

Số: 71/BC-MNDL

Diễn Lợi, ngày 30 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU KIỆN
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường MN Diễn Lợi đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và có báo cáo như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên trường: Trường Mầm non Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

2. Địa chỉ trụ sở chính:

- Trụ sở chính: Xóm 3, xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.
- Điện thoại: 0984889491
- Email: mndienloi.dc@nghean.edu.vn
- Website: <http://mndienloi.dienchau.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý trực tiếp:

- Loại hình: Công lập
- Cơ quan chủ quản: UBND huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

1. Sứ mệnh: Trường MN Diễn Lợi tạo dựng: Môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, an toàn; tạo cơ hội cho học sinh phát triển toàn diện về trí tuệ, năng lực, phẩm chất. Giữ vững Chuẩn Quốc gia mức độ 2 tiến tới phát triển văn hóa chất lượng, xây dựng trường học hạnh phúc - lấy trẻ làm trung tâm.

2. Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập

3. Giá trị cốt lõi: Trách nhiệm, tôn trọng, trung thực, yêu thương, chia sẻ.

4. Mục tiêu giáo dục mầm non:

1. Thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 24 tháng tuổi đến 06 tuổi.

2. Giáo dục mầm non nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một. Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Được thành lập năm 1961 với tên gọi là Nhà trẻ mẫu giáo. Những năm trước đây các nhóm trẻ và lớp học mẫu giáo nằm rải rác ở các thôn xóm. Năm 1995 sát nhập nhà trẻ và mẫu giáo đổi tên gọi là Trường Mầm non Diễn Lợi đóng trên địa bàn xóm 3- xã Diễn Lợi. Năm 2010 được huyện ra quyết định thành lập trường mầm non bán công theo Quyết định số: 145/QĐ-UBND ngày 25/01/2010. Năm 2011, được chuyển đổi từ trường mầm non bán công sang trường mầm non công lập tự chủ một phần kinh phí theo Quyết định số: 1012/QĐ- UBND ngày 10/6/2011. Năm học 2023-2024 trường được công nhận KĐCL cấp độ 3 và Chuẩn Quốc Gia mức độ 2. Năm học 2024-2025, trường có 13 nhóm lớp với 38 cán bộ, giáo viên, nhân viên và 403 học sinh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ:

Bà: Cao Thị Thu Minh, Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Xóm 3, Diễn Lợi, Diễn Châu, Nghệ An

Số điện thoại: 0984889491

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập, cho phép hoạt động giáo dục:

Trường MN Diễn Lợi được thành lập 1961. Tháng 01/2010 được UBND Huyện Diễn Châu ra Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 25/01/2010, thành lập trường mầm non bán công. Từ tháng 6/2011 trường được chuyển đổi thành trường mầm non công lập tự chủ một phần kinh phí hoạt động theo Quyết định số 1012/QĐ- UBND ngày 10/6/2011 của UBND Huyện Diễn Châu.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 được kiện toàn theo Quyết định số 3698/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của UBND huyện Diễn Châu.

- Danh sách hội đồng trường gồm 9 thành viên:

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh, chức vụ trong đơn vị	Nhiệm vụ trong HĐT
----	-----------	-----------------------	---------------------------------	--------------------

1	Cao Thị Thu Minh	23/04/1979	BTCB, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Lê Thị Chung	10/03/1980	Phó Hiệu trưởng	P. chủ tịch HĐ
3	Trịnh Thị Thảo	02/09/1988	GV - BCHCD	Thư ký
4	Cao Thị Thuận	01/02/1985	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
5	Trần Thị Thúy Hằng	12/02/1976	Chủ tịch công đoàn	Thành viên
6	Đặng Thị Ân	19/09/1989	Tổ trưởng CM MG	Thành viên
7	Lê Thị Thanh Phú	20/01/1976	Tổ trưởng CM NT	Thành viên
8	Trần Văn Năm	15/06/1981	PCT UBND xã	Thành viên
9	Lê Trung Tiến	20/01/1961	Ban ĐDCMHS	Thành viên

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

1. Hiệu trưởng: Cao Thị Thu Minh

+ Ngày tháng năm sinh: 23/04/1979

+ Bổ nhiệm, luân chuyển chức vụ Hiệu trưởng trường MN Diễn Lợi ngày 14/8/2023 theo Quyết định số 2502/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND huyện Diên Châu.

+ Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 02 năm.

2. Phó hiệu trưởng: Lê Thị Chung

+ Ngày tháng năm sinh: 10/3/1980

+ Bổ nhiệm lại giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng MN Diễn Lợi vào ngày 21/8/2023 theo quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2024 của ủy ban nhân huyện Diên Châu.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 10 năm 2 tháng

3. Phó hiệu trưởng: Cao Thị Thuận

+ Ngày tháng năm sinh: 01/02/1985

Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng MN Diễn Lợi vào ngày 12/8/2022 theo quyết định số 2447/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2022 của ủy ban nhân huyện Diên Châu.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 3 năm.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động

- Cơ chế hoạt động của trường MN Diễn Lợi:

+ Xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

+ Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công

công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

+ Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá học sinh, quyết định khen thưởng học sinh;

+ Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

+ Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp nhà trường, gia đình và xã hội trong CSGD trẻ

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hội đồng trường với 09 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 21 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 28 công đoàn viên.
- + Ban đại diện CMHS có 39 người
- + Các tổ chuyên môn: 02 tổ chuyên môn (Tổ CM nhà trẻ và Tổ CMMG) và 1 bộ phận văn phòng

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Cao Thị Thu Minh	Hiệu trưởng	0984889491	thuminhdientho@gmail.com
2	Lê Thị Chung	P.Hiệu trưởng	0327535203	chungthongtu@gmail.com
3	Cao Thị Thuận	P.Hiệu trưởng	0973544636	thuanhuy84@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Xóm 3 xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Chiến lược phát triển nhà trường:

Kế hoạch số 96/KH-TMN ngày 04/09/2024 kế hoạch rà soát, bổ sung, chỉnh sửa chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CBQL VÀ NHÂN VIÊN

1. Số biên chế được UBND huyện Diễn Châu giao năm 2024:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1
Phó Hiệu trưởng	2	2	0	0	0	2
Giáo viên	24	24	0	0	4	20
Nhân viên	2	2	0	0	1	1
Cộng	29	29	0	0	5	24

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, CBQL và NV năm học 2024 -2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo	Hạng chức danh nghề nghiệp	Chuẩn nghề nghiệp
-----	----------	---------	------------------	----------------------------	-------------------

			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	29		1	23	4	1			8	19	27	0	0	0
I	Giáo viên	22			20	2	0			6	16	3	32	0	0
1	Nhà trẻ	4			3	1	0		0	2	2		1		
2	Mẫu giáo	18			17	1	0		0	4	14	4	30		
II	Cán bộ quản lý	3		1	2						3	3			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2			
III	Nhân viên	2			1		1								
1	Nhân viên kế toán	1			1										
2	Nhân viên y tế kiêm GV	1					1								

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	21	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	13	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	5.656.9m²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1700 m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	1532 m ²	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	2300,5m ²	1,6 m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	0
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	156m ²	0,4m ² /trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	483 m ²	0,6m ² /trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	67,5m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	67,5m ²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	126 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)

1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	13	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	7	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...).	5	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	12m2	13	13	12m2	0,4m2/trẻ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:

*Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục và kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư số 19/2018/TT-BGD&ĐT, ngày 22/8/2018 ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc Gia đối với trường mầm non.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên

Cụ thể:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				

Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	-
Tiêu chí 1.8		x	x	-
Tiêu chí 1.9		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	-
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	-
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Cộng		25	25	19

Kết quả:

- Trường được SGD&ĐT Nghệ An công nhận Trường đạt KDCL cấp độ 3 theo QĐ số 1289/QĐ-SGD&ĐT ngày 24 tháng 8 năm 2023

- Trường được UBND Tỉnh công nhận Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo QĐ số 2713/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2023

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở Nhà trẻ - Thực hiện được các vận động cơ bản theo độ tuổi. - Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân. - 100% trẻ tăng cân qua các kỳ cân - Trẻ phát triển bình thường: 96,2%	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi -Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân. - Trẻ phát triển bình thường: 96,3% -100% trẻ tăng cân qua các kỳ cân
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chương trình giáo dục mầm non (Văn bản hợp nhất số: 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. 1.Lĩnh vực phát triển thể chất - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi. - Có 1 số tố chất vận động ban đầu. - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm được 1 số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.	1. Lĩnh vực phát triển thể chất - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Có 1 số tố chất vận động: nhạy nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo, bền bỉ. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động: vận động nhịp nhàng biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong 1 số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có 1 số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có 1 số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

		2. Lĩnh vực phát triển nhận thức - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Có sự nhạy cảm của các giác quan. - Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có 1 số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	2. Lĩnh vực phát triển nhận thức - Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói, với ngôn ngữ nói là chủ yếu). - Có 1 số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và 1 số khái niệm sơ đẳng về toán.
		3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời 1 số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Hồn nhiên trong giao tiếp.	3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ,...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có 1 số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.
		4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Thực hiện được 1 số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé, dán, xếp hình, thích nghe đọc thơ, kể chuyện,...	4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội. - Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có 1 số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có 1 số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện 1 số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi
			5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.

			- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật: có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
			6. Giáo dục tăng cường - <i>LQTA</i>: Nghe và trả lời được bằng cử chỉ, hành động, hoặc bằng 1-3 từ, một số mẫu câu đơn giản trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi và khi được hỏi về bản thân và gia đình. - <i>Năng khiếu múa</i>: Trẻ biết thể hiện một số điệu múa nhịp nhàng, tự tin, khả năng phối hợp nét mặt cử chỉ động tác múa theo nhạc. - <i>Tin học</i>: Trẻ biết chơi, điều khiển các trò chơi trên máy tính, Ipat để chơi các trò chơi; chơi điều khiển các trò chơi ứng dụng STEAM
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển.	96-100% đạt theo yêu cầu độ tuổi theo từng lĩnh vực	96-100% đạt theo yêu cầu độ tuổi, theo từng lĩnh vực
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	<i>* Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe</i> - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi. - Khẩu phần dinh dưỡng đạt 651- 744 Kcal/ngày tại trường. - Trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng. - Khám sức khỏe định kỳ: 2lần/năm. - Vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải một cách hợp lý. <i>* Giáo dục</i> - Thực hiện các nội dung giáo dục phát triển phù hợp theo từng độ tuổi.	<i>* Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe</i> - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi. - Khẩu phần dinh dưỡng đạt 615- 726 Kcal/ngày tại trường. - Trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng. - Khám sức khỏe định kỳ: 2lần/năm. - Vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải một cách hợp lý. <i>* Giáo dục</i> - Thực hiện các nội dung giáo dục phát triển phù hợp theo từng độ tuổi. - Tổ chức tốt môi trường hoạt động cho trẻ.

	- Tổ chức tốt môi trường hoạt động cho trẻ. + Xây dựng môi trường trong và ngoài nhóm lớp phù hợp theo quan điểm giáo dục LTLTT. + Trang trí phòng nhóm theo dạng mở, đáp ứng nhu cầu của trẻ và mục đích giáo dục + Sân chơi rộng rãi và sắp xếp đồ chơi khoa học + Trồng nhiều loại hoa, cây cảnh cho trẻ khám phá. + Giúp trẻ khai thác môi trường hiệu quả. - Giáo viên tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ phát triển tốt các kỹ năng cần đạt theo độ tuổi.	+ Xây dựng môi trường trong và ngoài nhóm lớp phù hợp theo quan điểm giáo dục LTLTT. + Trang trí phòng nhóm theo dạng mở, đáp ứng nhu cầu hoạt động của trẻ tạo điều kiện cho trẻ chơi mà học, học bằng chơi phù hợp với điều kiện thực tế của trường, lớp và đạt mục đích giáo dục. + Sân chơi rộng rãi và sắp xếp khoa học đồ chơi ngoài trời + Trồng nhiều loại hoa, cây cảnh, bố trí phù hợp cho trẻ khám phá, trải nghiệm. - Từng lớp thực hiện góc khám phá-thiên nhiên cho mỗi trẻ được khám phá trải nghiệm trồng cây, hoa. + Hỗ trợ, hướng dẫn trẻ khai thác hiệu quả môi trường giáo dục. - Giáo viên tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ phát triển tốt các kỹ năng cần đạt phù hợp với từng độ tuổi.
--	--	--

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế tháng 6 năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	24-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	403			53	108	105	137
1	Số trẻ em nhóm ghép	0						
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0						
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	403			53	108	105	137
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	403			53	108	105	137
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	403			53	108	105	137
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	403			53	108	105	137
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	401			53	108	103	137
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân						1	
3	Số trẻ có chiều cao bình thường				51	105	99	136
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi				1	2	4	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì						1	

VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	403			53	108	105	137
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	53			53			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	350				108	105	137

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

I. Báo cáo thu – chi tài chính năm học 2024-2025

A	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TL % ĐẠT -CÒN DƯ
I	THU - CHI NGÂN SÁCH			
A	PHẦN THU	5.717.965.000	5.717.965.000	100%
1	Chi lương và các khoản đóng góp	5.100.999.000	5.100.999.000	100%
2	Nguồn thường xuyên chi khác	275.000.000	275.000.000	100%
3	Nguồn chế độ chính sách cho học sinh	143.460.000	143.460.000	100%
4	Nguồn bổ sung trong năm khen thưởng	198.506.000	198.506.000	100%
B	PHẦN CHI			
1	CHI LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP			
a	CHI RÚT LƯƠNG	1.601.794.000	1.601.794.000	100%
b	CHI BẢO HIỂM	445.475.000	445.475.000	100%
c	NẠP ĐOÀN PHÍ CÔNG ĐOÀN	27.888.000	27.888.000	100%
2	CHI THƯỜNG XUYỀN CHI KHÁC	125.859.920	137.500.000	91.5%
	Xử lý thông công, bề phốt	23,200,000		
	Công tác phí cho kế toán	940,000		
	Điện sáng tháng 2	2,343,271		
	Chậu hoa, cây cảnh	17,525,000		
	Mua thép sữa chữa đồ chơi ngoài trời	14,070,000		
	Mua sơn sữa chữa đồ chơi ngoài trời	15,025,000		
	Mua đồ dùng đồ chơi TT 01	3,712,000		
	TT tiền cước phí INTERNET	3,660,000		

	Điện sáng tháng 3	2,630,517		
	Gia hạn PM MiSa	7,000,000		
	Sữa Chữa khu sáng tạo	28,286,500		
	Điện sáng T4	3,232,632		
	Gia hạn PM văn bản	2,640,000		
	TT tiền chữ kí số văn bản	1,595,000		
3	CHI CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO HS	79.450.000	79.450.000	100%
	Chi trả tiền chi phí học tập Từ T1-5/2025	2.250.000	2.250.000	100%
	Chi trả tiền hỗ trợ ăn trưa Từ T1-5/2025	7.200.000	7.200.000	100%
	Chi Miễn giảm học phí Từ T1-5/2025	70.000.000	70.000.000	100%
4	Chi bổ sung nguồn ngân sách khen thưởng			
	Cân đối thu - chi	-		
II	THU - CHI NGUỒN HỌC PHÍ 2024-2025	406.781.987		
1	<i>Dư Học phí năm học 2023-2024 mang sang</i>	<i>44.031.987</i>		
2	<i>Thu học phí</i>			
	Thu học sinh	236.750.000	231.300.000	102.4%
	Thu cấp bù học phí từ nguồn NS HK I	56.000.000	56.000.000	100%
	Thu cấp bù học phí từ nguồn NS HK II	70.000.000	70.000.000	100%
3	Chi từ nguồn học phí			
a	<i>Chi lương từ nguồn học phí</i>	141.800.000		
	Chi lương từ nguồn học phí T9/2024-12/2024	49.800.000	50.000.000	99.6%
	Chi lương từ nguồn học phí T1/2025 - 08/2025	92.000.000	92.000.000	100%
b	<i>Chi tăng cường CSVC, hoạt động TX</i>			
1	Chi chuyên môn, tăng cường CSVC T9-T12/2024	75.595.000	70.000.000	92.6%

2	Chi chuyên môn, tăng cường CSVC T1-T8/2025	69.885.226	65.000.000	105%
3	Tiết kiệm chi học phí để trích lập các quỹ kỳ 1	47.501.761	50.000.000	95%
4	Tiết kiệm chi học phí để trích lập các quỹ kỳ 2	20.000.000	10.000.000	200%
c	Chi lương bảo vệ từ nguồn học phí	48.000.000		
	Chi lương BV từ nguồn học phí T9/2024-12/2024	16.000.000	14.000.000	114%
	Chi lương BV từ nguồn học phí T1/2025 - 08/2025	32.000.000	28.000.000	114%
	Cân đối thu - chi	0		
III	Thu chi từ nguồn tài trợ GD năm học 2024-2025			
1	<i>Dư tiền tài trợ năm học 2023-2024 mang sang</i>	0		
2	<i>Phụ huynh ủng hộ</i>	186.700.000		
3	<i>Chi tài trợ</i>	186.700.000		
	Mua ti vi lớp Nhỡ C, Bé D	19,700,000		
	Làm rèm 4 phòng học	14,960,000		
	Bàn lego	21,855,000		
	Mua đồ dung đồ chơi TT 01	89,052,000		
	Lợp mái tôn sân khấu ngoài trời	41,133,000		
	Cân đối thu - chi	0		
IV	Thu chi từ nguồn thỏa thuận bán trú			
1	<i>Dư tiền TTBT năm học 2023-2024 mang sang</i>	0		
2	Thu thỏa thuận BT năm học 2024-2025	450.701.500	450.000.000	101%
3	Chi thỏa thuận bán trú			
	Chi trả cô nuôi: (4.500.000/người x 8) x 9 tháng	324,000,000	324,000,000	100%
	TT tiền trách nhiệm bếp trưởng	900,000	900,000	100%
	Chi trả tiền điện sáng tháng 1.3.2025	6,407,957	6,407,957	100%

	Chi mua tủ đựng khay cơm	10,981,000	10,981,000	100%
	Mua tem lưu mẫu TP	1,400,000	1,400,000	100%
	Phí duy trì PM bán trú	2,000,000	2,000,000	100%
	Mua tủ cơm ga	27,000,000	27,000,000	100%
	Phí CK	132,000	132,000	100%
	Mua đồ dùng bán trú	35.554.743	34.843.243	102%
	Giấy vệ sinh	9,682,800	9,682,800	100%
	Nước dùng cho hoạt động bán trú	32,643,000	32,643,000	100%
	Cân đối thu - chi	0		
V	Thu chi từ nguồn tiền ăn			
1	<i>Dư tiền ăn năm học 2023-2024 mang sang</i>	0		
2	<i>Thu tiền ăn</i>	1.127.000.000	1.120.000.000	106%
3	<i>Chi tiền ăn năm học</i>	1.127.000.000	1.120.000.000	106%
	Cân đối thu - chi			
VI	Thu chi từ nguồn tiếng anh			
1	<i>Dư tiền tiếng anh năm học 2023-2024 mang sang</i>	0		
2	<i>Thu tiền tiếng anh</i>	93.990.000	71.604.000	131%
3	<i>Chi tiền tiếng anh</i>	93.990.000	71.604.000	131%
	Chi trung tâm ODC và học liệu trung tâm	70.493.000	53.703.000	131%
	Chi tăng cường CSVN	5.639.000	4.296.240	131%
	Chi giáo viên trợ giảng	7.519.000	5.728.320	131%
	Chi quản lý thu	7.519.000	5.728.320	131%
	Chi Thu	2.819.000	2.148.120	131%
	<i>Cân đối thu - chi</i>	0		
VII	Nguồn trích lập các quỹ			
1	<i>Dư năm học 2023-2024 mang sang</i>	-		
2	<i>Trích lập trong năm học 2024-2025</i>	50.000.000	40.000.000	125%

	Trích lập kỳ 1	42.451.761	40.000.000	106%
	Trích lập nguồn ngân sách năm 2024	7.548.239	0	100%
	Trích lập kỳ 2			
3	<i>Chi tiền trích lập các quỹ trong năm học 2024-2025</i>	22.450.000		
	Chi quà tết nguyên đán cho giáo viên	16.800.000	16.800.000	100%
	Chi khen thưởng từ nguồn trích lập các quỹ	5.650.000	5.650.000	100%
	Cân đối thu - chi	27.550.000		
VIII	Thu - chi tiền CSSKBD			
1	<i>Dư tiền CSSKBD năm học 2023-2024 mang sang</i>			
2	<i>Thu tiền CSSKBD năm học 2024-2025</i>			
	Trên cấp	22.058.807	22.058.807	100%
3	<i>Chi tiền CSSKBD năm học 2024-2025</i>			
	Chi mua thuốc y tế, thuốc muỗi	9.649.600	9.649.600	100%
	Cân đối thu - chi	12.409.207		

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

1. Đối với trẻ:

- Kết quả đánh giá cuối độ tuổi cụ thể:

Độ tuổi/ tỉ lệ	Tổng số trẻ	Chuyên cần	LV PTTC	LV PTNT	LV PTNN	LV PTTM	LVPT TCXH	HTCT GDMN (5T)
Nhà trẻ	53	51/53	52/53	51/53	51/53		53/53	
Tỷ lệ %	22,4%	96,2%	98%	96%	96%		100	
Mẫu giáo	350	344/350	345/350	334/350	340/350	345/350	343/350	137/137
Tỷ lệ %	106%	98,2%	98,6%	95,4%	97,1%	98,6%	98%	100%

2. Đối với giáo viên:

- Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường: 23/24

- SKKN năm học 2024 -2025 cấp huyện: có 6 người đạt bậc 3 cấp cơ sở (Cô Cao Thị Thu Minh, Lê Thị Chung, Cao Thị Thuận, Cao Thị Linh, Trịnh Thị Thảo, Đặng Thị Ân)

- CSTĐCS: 8 người (Cô Cao Thị Thu Minh, Lê Thị Chung, Cao Thị Thuận, Cao Thị Linh, Trịnh Thị Thảo, Đặng Thị Ân, Lê Thị Thanh Phú, Nguyễn Thị Thu Hưng)

- Giấy khen UBND Huyện: 1 người Cô Trần Thị Thuý Hằng

3. Đối với tập thể nhà trường:

- Tập thể: Trường đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc

Đề nghị Bộ giáo dục tặng bằng khen

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm học 2024 - 2025 (Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường Mầm non Diên Lợi.

Nơi nhận:

- Gửi bản điện tử:

- PGD&ĐT (B/c);

- Website của trường;

- Lưu: VT.,

HIỆU TRƯỞNG

Cao Thị Thu Minh